TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-ST
Ngày 03 - 12 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bon

Ông Võ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 và ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1.Ông Nguyễn H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: đường C, phường N, quận M, thành phố Hồ Chí Minh, (theo văn vản ủy quyền số 40444/2019/UQ-PGĐK ngày 20 tháng 11 năm 2019).

2. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: đường C, phường N, quận M, thành phố Hồ Chí Minh, (theo văn vản ủy quyền số 74090/2019/UQ-PGĐK ngày 03 tháng 5 năm 2019).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng E, sinh năm 1978;

Địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1954;

Địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông T, ông H, bà N có mặt; bà E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 và quá trình tố tụng, ông Lê Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, Ngân hàng thương mại cổ phần V có cho bà Nguyễn Thị Hồng E vay theo giấy đăng ký vay tiêu dùng mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 03 tháng 4 năm 2017 với khoản vay là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng), giải ngân ngày 13 tháng 4 năm 2017, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 26%/1 năm, thay đổi 3 tháng 1 lần. Trong thời gian thực hiện hợp đồng bà Hồng E đã trả cho Ngân hàng 1 lần vào ngày 18 tháng 5 năm 2017 với số tiền là 3.473.987đ (ba triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng), trong đó trả tiền gốc là 1.600.569 đ (một triệu sáu trăm nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng), tiền lãi là 1.873.418đ (một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm mười tám đồng). Sau khi trả số tiền nêu trên thì bà Hồng E không trả tiền cho Ngân hàng khoản nào khác. Do đó, khoản vay chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 14 tháng 6 năm 2017, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, bà Hồng E trả cho Ngân Hàng số tiền là 4.989.066đ (bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn sáu mươi sáu đồng) nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng E và bà Lê Thị N liên đới trả nợ gốc tính đến ngày 03 tháng 12 năm 2019 là 78.410.369đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi (trong hạn và quá hạn) là 65.460.053đ (sáu mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm mươi ba đồng), tổng cộng là 143.870.422đ (một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu bà Hồng E và bà N phải trả các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, thời gian tính lãi phát sinh từ ngày 04 tháng 12 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Bà Lê Thị Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tháng 4 năm 2017, bà có nhờ con gái của bà là bà Nguyễn Thị Hồng E vay tiền cho bà tại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 85.000.000 đồng, trong 36 tháng để tiêu dùng. Bà đã trả được cho ngân hàng 2 lần: Lần thứ nhất với số tiền là 3.473.987đ (ba triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng), trong đó trả tiền gốc là 1.600.569 đ (một triệu sáu trăm nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng), tiền lãi là 1.873.418đ (một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm mười tám đồng) và lần hai: với số tiền 4.989.066đ (bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn sáu mươi sáu đồng) như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Ngân hàng yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, bà yêu cầu Ngân hàng cho bà trả nợ thay bà Nguyễn Thị Hồng E nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà yêu cầu Ngân hàng cho bà trả dần, mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi xong nợ.

Ông Lê Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu của bà N, Ngân hàng yêu cầu bà Hồng E và bà N liên đới trả tiền cho Ngân hàng.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Hồng E vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V và nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Hồng E, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa thì lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Lê Thị N cùng xác định: Bà Nguyễn Thị Hồng E có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V với số tiền là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Tại phiên tòa, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của bà Lê Thị N nên có cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị Hồng E còn nợ khoản tiền gốc là 78.410.369đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng), bà N đồng ý liên đới cùng bà Hồng E trả cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần V xác định hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị Hồng E với Ngân Hàng còn nợ số tiền gốc là 78.410.369đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Việc Ngân hàng tính nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử đã ký kết giữa bà Hồng E với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Vượng xác định hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị Hồng E với Ngân Hàng đã quá hạn là có căn cứ. Do đó, tiền lãi tính đến ngày 03 tháng 12 năm 2019 là 65.460.053đ (sáu mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm mươi ba đồng) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét thấy bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Hồng E có mối quan hệ là mẹ con, bà N thừa nhận nợ vay yêu cầu Ngân hàng cho bà trả nợ thay cho bà Hồng E nhưng Ngân hàng không đồng ý. Mặt khác, hợp đồng vay được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Hồng E với Ngân hàng. Do đó, buộc bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Hồng E có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 143.870.422đ (một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng), trong đó, tiền gốc là 78.410.369đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi (trong hạn và quá hạn) là 65.460.053đ (sáu mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm mươi ba đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu bà Hồng E và bà N phải trả các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, thời gian tính lãi phát sinh từ ngày 04 tháng 12 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí tổng số tiền là 3.657.747đ (ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) được nhận lại.

Bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Hồng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 143.870.422đ (một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) x 5% = 7.193.521đ (bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Áp Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc buộc bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Hồng E trả tiền vay.

Buộc bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Hồng E có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 143.870.422đ (một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng), trong đó, tiền gốc là 78.410.369đ (bảy mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi (trong hạn và quá hạn) là 65.460.053đ (sáu mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm mươi ba đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu bà Hồng E và bà N phải trả các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị Hồng E với Ngân hàng thời gian tính lãi phát sinh từ ngày 04 tháng 12 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Ngân hàng không phải chịu, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 3.657.747đ (ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000030 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An, được nhận lại.

Bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Hồng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.193.521đ (bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng), có nghĩa vụ nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị Hồng E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Diệp Song Tiền

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An (1b);*
- *VKSND huyện Châu Thành (2b);*
- *Chi cục THA huyện Châu Thành (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).*